

Bản án số: 344/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 4 - 2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Đỗ Quang Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Minh T , sinh năm 1993; Địa chỉ: 14 Đoàn Hồng Phước, phường H , quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H , sinh năm 1987; Thường trú: 14 Đoàn Hồng Phước, phường H , quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú hiện nay: Phòng 007, nhà trọ số 44 Thoại Ngọc Hầu, phường H , quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn - ông Đặng Minh T trình bày:* Ông T và bà H tự nguyện chung sống, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H , quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2014, quyền số 01/2014 ngày 18/11/2014.

Quá trình chung sống, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, giữa bà H và mẹ chồng có nhiều bất đồng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã. Từ đó cuộc sống chung không còn hạnh phúc, hai bên đã cố gắng

giải quyết mâu thuẫn nhưng không hòa giải được, hai bên đã sống ly thân cho đến nay. Nay ông nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông T và bà H có 01 con chung tên Đặng Minh T, sinh ngày 26/4/2013. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Ông T khai không có.

- Về nợ chung: Ông T khai không có.

*Bị đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận thời gian kết hôn và quá trình kết hôn như ông Tâm trình bày là đúng. Thời gian sống chung, chúng tôi phát sinh một số mâu thuẫn, nguyên nhân là những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống. Giữa bà H và mẹ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng bà phải ra ngoài ở riêng, tuy nhiên chuyện này đã xảy ra 01 năm. Nay bà không hiểu vì sao ông T lại muốn ly hôn, bà không đồng ý vì bà muốn giữ gia đình cho con.

- Về quan hệ con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Đặng Minh T, sinh ngày 26/4/2013. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà H khai không có.

- Về nợ chung: Bà H khai không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết nhưng không thỏa thuận được; bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải lần 02 không có lý do nên Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 28, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 220, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông T và bà H cùng xác nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là có thật. Bà H không đồng ý ly hôn nhưng không thể hiện được thiện chí hàn gắn, mặt khác hai bên xác nhận đã sống ly thân, không còn sống chung. Do đó, ông T yêu cầu

ly hôn là có cơ sở căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2014, quyền số 01/2014 ngày 18/11/2014 của Ủy ban nhân dân phường H , quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bị đơn đang cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T . Bà H có đến phiên tòa xét xử nhưng tự ý bỏ về không tham gia phiên tòa mà không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H .

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H cùng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật, nguyên nhân chính là do giữa bà H và mẹ chồng có nhiều bất đồng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã. Bà H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được hướng hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đến phiên hòa giải lần 02, không đến phiên tòa xét xử ngày 31/3/2022, tại phiên tòa hôm nay bà H có đến nhưng tự ý bỏ về mà không tham gia phiên tòa, điều đó cho thấy bà H không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông T và bà H thực tế không còn sống chung. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn bà H .

- Về quan hệ con chung: Ông T và bà H cùng thống nhất trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì bà H trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Minh T , sinh ngày 26/4/2013, ông Tâm có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của các bên là tự nguyện và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà H cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông T được Tòa án chấp nhận, nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí ông T đã nộp. Án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng do ông T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều

27; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T .

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Minh T được ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ H .

Quan hệ hôn nhân của ông Đặng Minh T và bà Nguyễn Thị Mỹ H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2014, quyển số 01/2014 ngày 18/11/2014 của Ủy ban nhân dân phường H , quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà H trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Minh T , sinh ngày 26/4/2013. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung trưởng thành.

+ Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông T và bà H cùng xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông T và bà H cùng xác nhận không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng do ông T chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0071872 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng do ông T chịu.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Đặng Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Tuyết Nhung**